

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **91/2019/HSST**

Ngày 23/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thúy Hà – Giáo viên trường Trung học cơ sở Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Ông Vũ Văn Hộ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2019, Trụ sở Tòa án nhân dân, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 95/2019/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1999; Giới tính: Nam;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường M, quận N, TP. Hà Nội; Chỗ ở: Không có chỗ ở cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Ngọc T, sinh năm: 1972, Nghề nghiệp: Lao động tự do và con bà Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1973, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nhà có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/12/2015, Tòa án TP Hà Nội xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội Hiếp dâm trẻ em (Án số 476/HSST). Ra trại ngày 24/10/2017. (*H phạm tội dưới 16 tuổi- đã được xóa án tích*).

Danh bản và chỉ bản số: 106 do Công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 24/01/2019.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/01/2019; hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 Công an TP Hà Nội; có mặt.

2. Họ và tên: Lê Thu T, sinh ngày 19/5/2002 (Tính đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo 16 tuổi 7 tháng 28 ngày); Giới tính: Nữ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 13, cụm 2, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Lê Hồng D, sinh năm 1966, Nghề nghiệp: Lao động tự do và con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh bản và chỉ bản số: 105 do Công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 24/01/2019.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/01/2019; hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 25/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- **Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Lê Thu T**: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966 và ông Lê Hồng D, sinh năm 1966 (Là bố mẹ đẻ); Cùng địa chỉ: Số nhà 2*, ngõ 2* đường X, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thu T**: Ông Trương Công Đ - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Anh Nguyễn B, sinh năm 1993; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 02, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 13/01/2019, Lê Thu T đăng tin bán ma túy trên facebook trong nhóm "Hội Đồng Phê" với nick là “Chu Kiều Kẹo Anh” thì Nguyễn B có nick facebook là “Cận Cương” vào nói chuyện mục đích để mua ma túy về sử

dụng và xin số điện thoại của T để liên lạc. Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 16/01/2019, khi T đang ở nhà tại Ngõ 23 đường X, phường X, quận T, thành phố Hà Nội thì Nguyễn B gọi điện thoại từ số của B: 0368571926 đến số của T: 0355563292 hỏi mua 10 viên ma túy tổng hợp “Kẹo” và nửa “chỉ” (0,5gam) ma túy Ketamine “Ke”. T đồng ý bán ma túy cho B với giá 500.000 đồng một viên “Kẹo” và 0,5 gam ma túy Ketamin "Ke" với giá 2.500.000 đồng và thỏa thuận 800.000 đồng tiền công vận chuyển. B và T hẹn nhau đến khu vực trước cửa quán Karaoke T trên đường C, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội để giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, T nhắn tin cho Phạm Ngọc H (là người yêu của T) rủ H đi mua ma túy để bán cho B vì trước đó T đã biết H có nguồn mua ma túy. H đồng ý. Cả hai thỏa thuận số tiền hưởng lợi sẽ ăn tiêu chung. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T và H gặp nhau tại nhà nghỉ S địa chỉ * Phan Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để cùng nhau đi mua ma túy về bán cho B. H nhắn tin trên facebook cho “Linh” (không xác định nhân thân, lai lịch) để hỏi “Linh” chỗ mua ma túy thì “Linh” giới thiệu và cho số điện thoại của “Quang” (không xác định nhân thân lai lịch) – người bán ma túy. Sau đó, H mượn điện thoại của bạn là “Nam” (không xác định nhân thân lai lịch) – lúc đó đang ở nhà nghỉ SM với H và gọi điện cho “Quang” hỏi mua 10 viên ma túy tổng hợp "Kẹo" và 0,5 gam Ketamin "Ke" và thỏa thuận với Quang khi nào bán ma túy được sẽ trả “Quang” tiền (vì “Quang” là bạn của “Linh”). Quang đồng ý và bảo cho thêm H 01 viên “Kẹo” và hẹn H đến khu vực trường cấp 3 T, xã T, huyện Đan Phượng, Hà Nội để mua bán ma túy. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, H điều khiển xe máy BKS: 29X3 – 4058* chở T đến khu vực trường cấp 3T. Đến nơi T đứng đợi ở ngoài, cách khoảng 10m còn H đi bộ vào cổng trường cấp 3T thì có một người phụ nữ (không xác định nhân thân, lai lịch) đi ra và hỏi H “*em ở chỗ anh Quang à*”, H trả lời “*vâng*” thì người phụ nữ đó đưa cho H 01 gói nilong được dán kín bằng băng dính màu đen kích thước khoảng (5x7) cm bên trong chứa ma túy tổng hợp. H cầm gói ma túy mang ra đưa cho T rồi H điều khiển xe máy chở T đi, lúc đi trên đường T ngồi sau bóc gói ma túy quần băng dính màu đen ra thấy bên trong có 10 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xám và 01 túi nilon bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng là Ketamine. T chia thành gói nilong màu trắng kích thước khoảng (5x7) cm bên trong có chứa 10 viên nén màu hồng cùng 01 (một) gói nilong màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng cầm trên tay phải và 01 túi nilong bên trong có 01 viên nén màu xám xanh cùng 01 gói nilon bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng cất giấu trong áo ngực bên trái. Khoảng 16 giờ 45 cùng ngày, H chở T đến

khu vực đường Cầu Diễn trước cửa quán karaoke T gặp B để bán ma túy cho B như đã thỏa thuận trước gồm 10 viên nén màu hồng (giá 500.000 đồng/viên) và “nửa chỉ” Ketamine giá 2.500.000 đồng và 800.000 đồng tiền “ship” (công vận chuyển). Khi B đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng và bảo T đợi để bạn B mang nốt số tiền còn lại là 6.300.000 đồng đến cho T. T cầm tiền B đưa trên tay nhưng chưa kịp đưa ma Túy cho B thì bị tổ công tác Công an phường Thụy Phương phát hiện bắt giữ, thu giữ trong tay phải của T 01 gói nilong màu trắng kích thước khoảng (5x7)cm bên trong chứa 01 gói nilong màu trắng kích thước khoảng (1,5x1,5)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng và 10 viên nén màu hồng hình vuông kích thước khoảng (0,5x0,5). Ngoài ra T tự nguyện giao nộp từ bên trong áo ngực bên trái ra 01 gói nilong màu trắng kích thước khoảng (2,5x2,5)cm bên trong chứa 01 gói nilong màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu xám xanh. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở công an làm rõ.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ của Lê Thu T:

- 01 gói nilong kích thước 5x7 cm bên trong có: 01 gói nilong nhỏ kích thước 1.5x1.5 cm bên trong chứa các tinh thể màu trắng và 10 viên nén màu hồng hình vuông kích thước khoảng 0.5x0.5cm;
- Số tiền 2.000.000 đồng tiền Việt Nam gồm 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng;
- 01 gói nilong màu trắng kích thước 2.5x2.5 cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu xám hình tròn đường kính 0.5 cm;
- 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu trắng hồng lắp số sim 035556322** (đã sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

Thu giữ của Nguyễn B:

- 01 điện di động Nokia màu xám số seri 353534021787289, lắp số sim 03685719**;
- Số tiền 950.000 đồng tiền Việt Nam trong đó có 08 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

Thu giữ của Phạm Ngọc H: 01 xe máy Honda Dream, biển kiểm soát 29X3-405**, số máy: 15602**, số khung: 2602**.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thu T ở tổ 13 cụm 2 phường X, quận T, Hà Nội nhưng không thu giữ được gì.

Ngày 16/01/2019, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 118 yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà

Nội giám định đối với các gói nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng, viên nén hình vuông màu hồng, viên nén hình tròn màu xám thu giữ của Lê Thu T.

Ngày 24/01/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội có Kết luận giám định số 620 kết luận:

- *Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nilong có khối lượng 0,502 gam là ma Túy loại Ketamine.*

- *10 viên nén hình vuông màu hồng có tổng khối lượng là 4,005 gam đều là ma Túy loại MDMA.*

- *Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nilong có khối lượng 0,130 gam là ma Túy loại Ketamine.*

- *01 viên nén màu xám hình tròn có khối lượng 0,282 gam là ma Túy loại MDMA.*

Cơ quan điều tra đã dẫn giải Phạm Ngọc H đến nơi mua ma túy tại khu vực trường cấp 3 T, xã T, huyện Đan Phượng, Hà Nội nhưng không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho H.

Xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy của Lê Thu T, Nguyễn B cho kết quả âm tính (không sử dụng ma túy); của Phạm Ngọc H cho kết quả dương tính (có sử dụng ma túy).

Tại cơ quan điều tra Lê Thu T và Phạm Ngọc H khai nhận như trên và khai: tổng số tiền bán ma Túy cho B là 8.300.000 đồng (gồm cả 800.000 đồng tiền “ship”), số tiền mua ma Túy của “Quang” là 4.600.000 đồng, số tiền lãi là 3.700.000 đồng nếu bán chót lọt thì T và H sẽ tiêu sài chung nhưng chưa bán được thì bị phát hiện bắt giữ. Đối với số ma túy còn lại T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, T và H thỏa thuận nếu có người hỏi mua thì bán.

Phạm Ngọc H khai xin được số điện thoại của “Quang” qua người bạn tên “Linh” trên facebook rồi mượn điện thoại của bạn là “Nam” để gọi điện mua ma Túy của “Quang”. Sau khi giao dịch xong, H đã xóa tin nhắn facebook với “Linh” và xóa số điện thoại của “Quang”, H không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ của “Linh”, “Quang”, “Nam” và người phụ nữ đã đưa ma Túy cho H.

Nguyễn B khai bản thân chưa sử dụng ma túy, định mua ma túy để sử dụng nhưng chưa mua được ma túy, xét nghiệm ma túy trong nước tiểu xác định B không sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với các đối tượng “Nam”, “Quang”, “Linh” và người phụ nữ giao ma túy cho H quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để điều tra mở rộng.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 29X3 – 405.**, số máy: HA08E156026*, số khung: RLHHA0808AY26020* thu giữ của Phạm Ngọc H: H khai chiếc xe trên H mượn của bạn tên là Vũ Đình K (SN: 2001, HKTT: Xã L, Đ, Hà Nội), H không nói cho K biết H sử dụng xe để đi mua ma Tụy.

Anh Vũ Đình K khai: Ngày 16/01/2019, anh mượn xe máy của bố là ông Vũ Đình N (SN: 1975; HKTT: Xã L, Đ, Hà Nội) đi đám cưới bạn, sau đó đến nhà nghỉ S chơi với Phạm Ngọc H thì H hỏi mượn xe máy nên K đồng ý cho mượn, việc H sử dụng xe máy để đi mua bán ma tụy thì K không biết. Xác minh tại Phòng CSGT – Công an TP Hà Nội xác định người đứng tên đăng ký xe máy nêu trên là ông Vũ Đình N, tra cứu xe máy không có trong dữ liệu xe vật chứng. Ông N trình bày: Ngày 16/01/2019 ông cho con trai là Vũ Đình K mượn để đi đám cưới bạn. Quá trình điều tra xác định ông Vũ Đình N là chủ sở hữu chiếc xe máy trên nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy trên cho ông Vũ Đình N.

Tại bản cáo trạng số: 76/CT-VKS ngày 28/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội quyết định truy tố Phạm Ngọc H và Lê Thu T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma tụy*”, theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ luận tội, nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

+ Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1,2 Điều 51, Điều 38, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thu T mức án từ 16 đến 20 tháng tù.

Do bị cáo H không có công việc ổn định nên đề nghị Toà án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo T là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đề nghị Toà án tuyên tịch thu tiêu huỷ số ma tụy là vật chứng của vụ án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước tiền, điện thoại di động các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma Tụy.

Người bào chữa cho bị cáo T: Xác định bản cáo trạng truy tố Lê Thu T về tội mua bán trái phép chất ma túy là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội khi chưa đủ 17 tuổi. Do bị cáo chưa thành niên nên khả năng nhận thức còn hạn chế. Tâm sinh lý và hiểu biết của bị cáo chưa đầy đủ và hoàn thiện như người trưởng thành. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, biên bản phạm pháp quả tang, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 16/01/2019, tại trước cửa số nhà 2* đường C thuộc tổ 9 phường P, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Lê Thu T và Phạm Ngọc H đang bán trái phép 01 gói ma túy Ketamin khối lượng 0,502 gam và 10 viên nén màu hồng hình vuông là ma túy MDMA khối lượng 4,005 gam cho Nguyễn B thì bị tổ công tác Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Ngoài ra, Lê Thu T và Phạm Ngọc H còn tự nguyện giao nộp cho Cơ quan công an 01 gói nilong là ma túy Ketamin có khối lượng 0,130 gam và 01 viên nén màu xám xanh là ma túy MDMA có khối lượng 0,282 gam, T tàng trữ trong người mục đích để bán.

Hành vi của các bị cáo đủ dấu hiệu hoàn thành của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét hành vi của các bị cáo Phạm Ngọc H và Lê Thu T không thuộc trường hợp nào của tình tiết tiết tăng nặng định khung ở Khoản 2 Điều 251 của Bộ

luật hình sự, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ở khung cơ bản của Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới chính sách quản lý, kiểm soát ma túy, chính sách phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Ma túy là hiểm hoạ đối với con người, không chỉ gây thiệt hại về kinh tế, ma túy còn làm tha hoá đạo đức, huỷ hoại sức khoẻ, nòi giống của người sử dụng nó, là nguyên nhân của nhiều căn bệnh nguy hiểm và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích là để trục lợi. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo H và bị cáo T phạm tội đồng phạm giản đơn. Trong đó T là người khởi sướng rủ H tìm mỗi mua ma túy. Sau đó cả hai cùng nhau đi mua ma túy và T là người trực tiếp bán ma túy cho đối tượng B thì bị bắt quả tang. Do đó tính chất, vai trò của hai bị cáo là ngang nhau trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội nên áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên áp dụng cho bị cáo hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Phạm Ngọc H có nhân thân xấu, bị cáo từng bị xử phạt về tội Hiếp dâm trẻ em nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu hình phạt nặng hơn so với bị cáo T.

Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H là thoả đáng. Bị cáo T do khi phạm tội và khi xét xử chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ hơn mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đây là mức hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo và tạo điều kiện cho bị cáo có niềm tin để từ đó quyết tâm cải tạo, sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo H không có nghề nghiệp, không có điều kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Bị cáo T là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn B công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội xử lý như trong cáo trạng và trong hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy thu giữ của Lê Thu T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 8 Plus màu trắng hồng số sim: 035555632** đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu xám, có chứa sim 03685719**, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ Số tiền 2.950.000đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H và Lê Thu T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma Túy*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H: **36** (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 16/01/2019.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thu T: **15** (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 10 ngày tạm giữ từ ngày 16/01/2019 đến ngày 25/01/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì đã niêm phong bên trong chứa chất ma túy đã giám định, bên ngoài phong bì có chữ ký giáp lai của Lê Thu T và giám định viên Nguyễn H Hùng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 8 Plus màu trắng hồng số sim: 035555632** đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu xám, có chứa sim 03685719**, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ Số tiền 2.950.000đồng.

(Đặc điểm, số lượng, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 128/19 ngày 01/4/2019).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 23; Khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Ngọc H và Lê Thu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thế Vinh